

BỔ SUNG HAI LOÀI MỚI CỦA CHI *DISCHIDIA* R. Br. (ASCLEPIADACEAE) CHO HỆ THỰC VẬT CỦA VIỆT NAM

TRẦN THẾ BÁCH, VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trên thế giới, chi *Dischidia* có khoảng 80 loài. Ở Việt Nam, theo Phạm Hoàng Hộ (2000), chi *Dischidia* có 9 loài. Tuy nhiên, loài *Dischidia alboflava* Cost. và *D. balansae* Cost. nay đã trở thành synonym (tên đồng nghĩa) của *D. tonkinensis* Cost.. Vì vậy, thực chất trong các công trình đã đề cập đến họ Thiên lý ở Việt Nam thì chi *Dischidia* chỉ có 7 loài: *D. major* (Vahl) Merr., *D. imbricata* (Bl.) Decne., *D. acuminata* Cost., *D. pseudo-benghalensis* Cost., *D. tonkinensis* Cost., *D. hirsuta* (Bl.) Decne., và *D. nummularia* R. Br.. Trong khi nghiên cứu các mẫu vật ở phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh

thái và Tài nguyên sinh vật (HN), chúng tôi đã phát hiện sự có mặt của 2 loài *D. singularis* Craib và *D. griffithii* Griff. ex Hook. f.. Đây là 2 loài mới bổ sung cho hệ thực vật của Việt Nam. Sau đây là khóa định loại các loài của chi *Dischidia* đã biết ở Việt Nam.

Dựa vào khóa định loại dưới đây, ta thấy được sự khác biệt của 2 loài *D. singularis* Craib và *D. griffithii* Griff. ex Hook. f. so với các loài còn lại của chi *Dischidia* có ở Việt Nam. Vì vậy, có thể khẳng định đây là 2 loài mới bổ sung cho hệ thực vật của Việt Nam. Sau đây là bản mô tả 2 loài *D. singularis* Craib và *D. griffithii* Griff. ex Hook. f..

Khóa định loại các loài của chi *Dischidia* đã biết ở Việt Nam

1A. Vảy tràng phụ hình mỏ neo

2A. Lá có 2 dạng, một dạng hình cái bình nước1. *Dischidia major* (Vahl) Merr.

2B. Không có lá dạng cái bình nước

3A. Thùy tràng nhẵn2. *D. nummularia* R. Br.

3B. Thùy tràng có lông

4A. Lá hình dải3. *D. pseudo-benghalensis* Cost.

4B. Lá hình bầu dục hay hình trứng4. *D. tonkinensis* Cost.

1B. Vảy tràng phụ hình mũi tên

5A. Thùy tràng có lông

6A. Lá hình thận. Có cuống cụm hoa dài hơn hay bằng 2 cm 5. *D. imbricata* (Bl.) Decne.

6B. Lá không hình thận. Cuống cụm hoa luôn ngắn hơn hay bằng 1 cm

7A. Thân và lá có lông6. *D. hirsuta* (Bl.) Decne.

7B. Thân và lá nhẵn7. *D. singularis* Craib

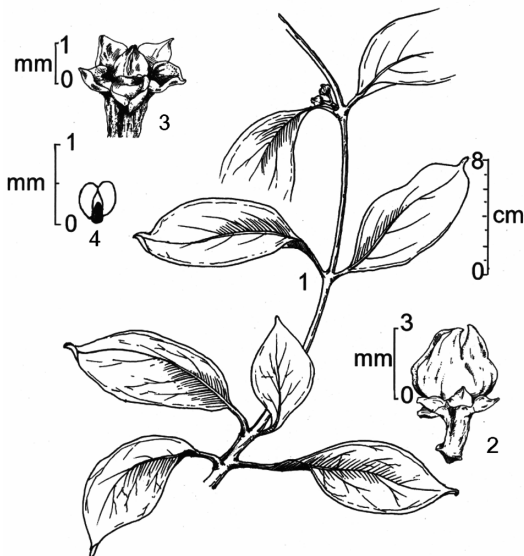
5B. Thùy tràng nhẵn

8A. Lá hình trứng ngược hay mác ngược. Cơ quan truyền phấn có chuỗi ngắn hơn gót.....
.....8. *D. griffithii* Griff. ex Hook. f.

8B. Lá không hình trứng ngược hay mác ngược. Cơ quan truyền phấn có chuỗi dài hơn
gót.9. *D. acuminata* Cost.

1. *Dischidia griffithii* Griff. ex Hook. f. 1883.
Fl. Brit. Ind. 4(10): 51.

Cây phụ sinh, thân nạc, có dịch màu trắng, nhẵn, nhiều khía dọc khi khô, dày 2-4 mm; khoảng cách giữa các đốt không đều nhau, thay đổi từ 1-15 cm. Lá mọc đối; phiến lá hình mác ngược hay trứng ngược, nhẵn; dài 3,8-9 cm, rộng 2-3,6 cm; đỉnh tù, có mũi nhọn dài 3-6 mm; gốc nhọn, hẹp dần về phía cuống; gân mờ, 3-5 cặp, rất xiên; cuống lá dài 0,5-1,5 cm, rộng 1-2 mm. Cụm hoa dạng tán; gồm 1-6 hoa; hoa màu trắng; cụm hoa có 1-2 trục; cuống cụm hoa rất ngắn, dày. Nụ hoa hình trứng rộng, cao khoảng 3 mm; rộng khoảng 3-3,5 mm. Cuống hoa 1-1,5 mm; lá đài nhỏ, hình trứng rộng, cỡ 1 × 1 mm, với các tuyến ở gốc; tràng hình cái hũ, nhẵn ngoại trừ ở mặt trong của họng tràng; ống dài 1,8-2 mm; thùy hình tam giác, dài 1-1,2 mm; họng tràng phủ lông dày ở mặt trong. Váy tràng phụ hình mũi tên, đỉnh tù. Hạt phấn hợp thành khối phấn và có sáp bao ngoài vách khối phấn; khối phấn hướng lên, cao khoảng 0.3 mm; gót đính dài khoảng 0,2 mm, dài hơn chuỗi. Bầu cao khoảng 1 mm (hình 1).



Hình 1. *Dischidia griffithii* Griff. ex Hook. f.
1. Cành mang hoa; 2. Nụ hoa; 3. Bầu, dài; 4. Cơ quan truyền phấn (hình vẽ theo mẫu LX-VN 658)

Loc. class.: "Tenasserim; at Mergui, on trees". *Typus:* Griffithii sine num.

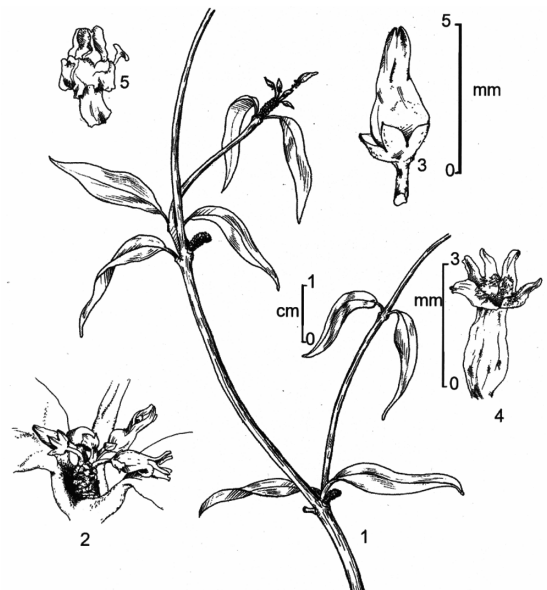
Sinh học và sinh thái: Phụ sinh. Ra hoa các tháng 5-6.

Phân bố: Gia Lai (An Khê: Kon Hà Nừng);

Đắc Lắc (Đắc Mil). Còn phân bố ở Lào, Ấn Độ.
Mẫu nghiên cứu: GIA LAI, LX-VN 658;
ĐẮC LẮC, T. Đ. Lý 712 (HN)

2. *D. singularis* Craib, 1911. Bull. Misc. Inform. Kew : 419; Cost. 1912. Fl. Gen. Indoch. 4: 149.

Cây phụ sinh hay bám trên đá; thân nhẵn, có đường vân không đều. Lá mọc đối; phiến lá hình trứng, bầu dục, mác khi non, nhọn ở đỉnh, gốc tù, lá trưởng thành có 2 thùy 2 bên tạo thành hình chữ thập, nhẵn, gân mờ, dài 1,2-7 cm, rộng 3-30 mm; luôn có những lá có kích thước dài hơn 1,5 cm; cuống lá dài khoảng 1-2 mm. Cụm hoa dạng tán; cụm hoa có 1-2 trục; cuống cụm hoa rất ngắn. Nụ hoa hình mác, dài 3-4 mm. Cuống hoa 1 mm; lá đài nhỏ, hình trứng đến mác; tràng hình cái hũ, màu trắng, nhẵn ngoại trừ ở thùy tràng; ống dài 2 mm; thùy hình mác, dài 1-1,5 mm. Váy tràng phụ hình mũi tên, mỏng. Hạt phấn hợp thành khối phấn và có sáp bao ngoài vách khối phấn; khối phấn hướng lên; gót đính ngắn hơn chuỗi (hình 2).



Hình 2. *Dischidia singularis* Craib
1. Cành mang hoa; 2. Cụm hoa; 3. Nụ hoa;
4. Tràng hoa; 5. Cột nhị nhụy và váy tràng phụ (hình vẽ theo mẫu VH 6366)

Loc. class.: "Siam".

Sinh học và Sinh thái: Phụ sinh hay bám trên đá. Ra hoa tháng 5.

Phân bố: Đắc Lắc (Krong Bong: Cu Pui);

Lâm Đông (Lạc Dương). Còn phân bố ở Lào, Thái Lan.

Mẫu nghiên cứu: ĐẮC LẮC, VH 6366; LÂM ĐÔNG, V. N. Tụ 95 (HN)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Costantin J.**, 1912: Lecomte, H: Flore Générale de l' Indo-Chine, 4(1): 1-154. Masson et Cie, Paris.
2. **Li P. T., Gilbert M. G. , Stevens W. D.**, 1995: Asclepiadaceae. In: Wu, S. Y. et Raven, P. H.: Fl. China, 16: 193-270. Science Press, Beijing, China et Missouri Botanical Garden, St. Louis, United States.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Asclepiadaceae. Cây cỏ Việt Nam, 2. Nxb. Trẻ.
4. **Hooker J. D.**, 1883: Asclepiadeae. Flora of British India, 4: 1-78.
5. **Rintz R. E.**, 1980: *Blumea*, 26: 81-126. Leiden, the Netherlands.

**TWO NEW SPECIES OF THE GENUS *DISCHIDIA* R. Br.
(ASCLEPIADACEAE) FOR THE FLORA OF VIETNAM**

TRAN THE BACH, VU XUAN PHUONG

SUMMARY

Dischidia singularis Craib and *D. griffithii* Griff. ex Hook. f. (*Dischidia* R. Br., Asclepiadaceae) are two new records for the flora of Vietnam. *D. singularis* Craib and *D. griffithii* Griff. ex Hook. f. distinguish with the other species of *Dischidia* in Vietnam by: shape of corona; stem and leaf glabrous; shape of leaves; hair on lobes; size of inflorescences; caudicles longer or shorter than corpuscle. *D. singularis* Craib distinguish with *D. griffithii* Griff. ex Hook. f. by: shape of leaf; lobes of corolla hair; caudicles longer than corpuscle.

Ngày nhận bài: 31-10-2002